TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LINH** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HSST
Ngày 14/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Đình Hoan.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ái Tân;
Ông Nguyễn Viết Hải.
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Trương Hồng Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST - HS ngày 26 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 3 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Hồ Ngọc V**, s**inh ngày: 30/8/1993; tại V, Quảng Trị; Nơi cư trú: thôn S, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị;Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không;Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Hồ Ngọc K và bà Nguyễn Thị L có vợ là Lâm Thị H và 01 con nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 09/3/2015, bị Công an huyện V (nay là Công an tỉnh Q) ra Quyết định xử phạt vi phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích. Đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 18/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam Khu vực V – Công an tỉnh Q (Nhà tạm giữ Công an huyện V cũ), có mặt.

2. Nguyễn Thuận H1, tên gọi khác: H2, sinh ngày: 02/3/1994; tại V, Quảng Trị; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Trị;Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Thuận Q và bà Trần Thị Thanh T; có vợ là Nguyễn Thị Hồng N (đã ly hôn năm 2019) và 01 con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 18/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam Khu vực V – Công an tỉnh Q (Nhà tạm giữ Công an huyện V cũ), có mặt.

Những người tham gia tố tụng:
- Bị hại: Ông Nguyễn Dũng D, sinh 1966.
Nơi cư trú: Thôn S, xã V, huyện V, Quảng Trị, có mặt.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1959
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện V, Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/12/2024, Hồ Ngọc V đi qua trụ sở UBND xã V thì thấy ở giữa đường có 01 túi ni lon bên trong có một số giấy tờ, Vũ nhặt lên và lúc về đến nhà mở ra kiểm tra thì thấy có 02 thẻ bảo hiểm y tế (V không để ý mang tên ai), 01 thẻ Căn cước công dân, 01 giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Dũng D (sinh năm 1966, thôn S, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Tri), 01 thẻ ATM của Ngân hàng N1 (A) (V không để ý thông tin trên thẻ) và 01 tấm nhựa có mảnh giấy ghi dãy số "187342", Vũ nghĩ đó là mật khẩu của thẻ ATM. Khoảng 17 giờ 40 cùng ngày, V điều khiển xe mô tô Sirius, biển số 74H1-6207 đi đến cây ATM của Ngân hàng V2 ở thi trấn H rút 300.000 đồng từ tài khoản của mình. Sau đó, lấy thẻ ATM nhặt được đưa vào trong máy ATM rồi nhập mật khẩu "187342" thì mở được tài khoản thẻ. V chọn vấn tin tài khoản và in hóa đơn thì thấy tài khoản tên Nguyễn Dũng D, số dư trong tài khoản là 84.000.000đ (*tám mươi bốn triệu đồng*). Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, V nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trong thẻ ATM trên nên đã gọi điện cho Nguyễn Thuận H1 "*Có xe không lên huyện đội tau nhờ việc gấp cái*", H1 đồng ý. Sau đó, V cầm theo thẻ ATM nhặt được rồi điều khiển xe mô tô biển số 74H1-6207 chạy về hướng Huyện đội. Lúc này, H1 đang điều khiển xe Dream, biển kiểm soát 74F6 - 4220 hướng lên thi trấn H. Cả hai gặp nhau tại nhà máy nước ở đầu đường Q. Trên đường đi, V nói với H1 "*Nhờ mi rút tiền cho tau với, tau lấy thẻ của ông anh tau, rút tiền ở Hồ X không được, có camera sợ ông anh biết*". Khi nghe như vậy thì H1 trả lời: "*Ừ, trong cây ATM có camera với bữa ni có nhận diện sinh trắc học nữa, về nhà tau rồi tính*". Sau đó V và H1 về nhà H1 ở thôn P, xã H. Khi đến nhà thì H1 lấy áo mưa, mũ bảo hiểm của V mang vào, V lấy khẩu trang đưa cho H1 đeo. Sau đó, V chạy xe đi trước còn H1 chạy xe theo sau, khi đến ngã ba gần cổng nhà H thì V đưa thẻ ATM rồi đọc mật khẩu thẻ "187342" cho H1 và nói: "*Rút 34 triệu nghe*". Huynh cầm thẻ ATM đi đến trước phòng A. Khi vào cây ATM, H1 vẫn đội mũ bảo hiểm, đeo khẩu trang và trùm kín áo mưa để không bị lộ diện khuôn mặt, dáng người tránh việc bị phát hiện. Huynh thực hiện lệnh rút tiền 8 lần, trong đó 7 lần rút số tiền mặt 5.000.000 đồng, 01 lần rút 2.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 37.000.000 đồng. Sau khi rút tiền xong, H1 quay lại nhà, khi đến cổng chào khu phố A, thi trấn C thì lấy 1.000.000 đồng trong số tiền đã rút bỏ vào túi áo rồi điện thoại hẹn gặp V ở gần cổng chào A, thi trấn C. Khi gặp, H1 đã đưa tiền cho V thì V hỏi: "*Rút mấy rứa*", H1 nói dối: " *36 triệu*". V hỏi lại "*Răng nói rút 34 triệu thôi mà ?*" thì H1 trả lời "*Rút lợ đi*". V lấy 1.000.000 đồng trong số tiền này đưa cho H1 rồi về lại nhà H1 chơi. Sau đó, V cho H1 thêm 700.000 đồng và ngồi chơi đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì V đi về nhà. Vài ngày sau đó V tiêu xài vào việc mua sắm và ăn uống hết 5.000.000 đồng từ số tiền trên. Ngày 17/12/2024, Cơ quan điều tra - Công an huyện V đã mời V, H1 đến làm việc, cả hai đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời V giao nộp số tiền 29.300.000 đồng còn lại.

* Giám định số 211/KL-KTHS ngày 20/01/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự C:

- Thẻ nhớ Micro SD chứa tệp tin video gửi đến giám định có tên "D01-20241209174257.mp4" dung lượng 510 MB, thời lượng 02h19'04" không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa.

- Đặc điểm đối tượng đến rút tiền trong khoảng thời gian từ 19h 43' đến 19h 54' ngày 09/12/2024(theo hiển thị của hệ thống ghi hình): Đối tượng đội mũ bảo hiểm trùm đầu màu xanh, đeo khẩu trang màu xanh nhạt, mặc áo mưa màu xanh (mặt lưng áo mưa có 01 sọc ngang màu vàng), chân đi dép màu đen, không xác định được giới tính, đặc điểm nhận dạng.

**** Quá trình điều tra đã tạm giữ và trả lại:***

- Số tiền 29.300.000 đồng do ngân hàng Nhà nước phát hành; 01 thẻ ATM ngân hàng của Ngân hàng A, 01 thẻ căn cước công dân, 02 thẻ bảo hiểm y tế, 01 chứng minh nhân dân là tài sản của ông Nguyễn Dũng D, Cơ quan Điều tra Công an huyện V (nay là Công an tỉnh Q) đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông D.

- Xe mô tô biển số 74F6-4220, nhãn hiệu Dream II cùng giấy tờ đăng ký xe mang tên Nguyễn Quang V1, được bà Trần Thị Thanh T (mẹ của bị cáo Nguyễn Thuận H1) mua lại nhưng chưa sang tên đổi chủ. Xác định bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm, bà T không biết

nên cơ quan Điều tra Công an huyện V (nay là Công an tỉnh Q) đã trả xe cho chủ sở hữu hợp pháp là bà T.

- Xe mô tô biển số 74H1-6207, nhãn hiệu Yamaha Sirus cùng giấy tờ đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H3, được ông Hồ Ngọc K (bố của bị cáo Hồ Ngọc V) mua lại nhưng chưa sang tên đổi chủ. Xác định bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm, ông K không biết nên cơ quan Điều tra Công an huyện V (nay là Công an tỉnh Q) đã trả xe cho chủ sở hữu hợp pháp là ông K.

- 01 túi nilon màu đen; 01 điện thoại di động Realme note 60 có chứa thẻ sim số 0337261777; 01 điện điện thoại di động OPPO A76 chứa thẻ sim số 0343947246; 01 mũ bảo hiểm loại trùm đầu nhãn hiệu Grs Helmets; 01 đôi dép lê bằng xốp. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Linh.

*** Về *dân sự:*** Quá trình điều tra, người bị hại là ông Nguyễn Dũng D đã nhận lại số tiền 29.300.000 đồng, còn 7.700.000 đồng ông D yêu cầu bồi thường, các bị cáo V và H1 đã bồi thường đủ cho ông D.

Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại Cáo trạng số: 13/CT- VKSVL ngày 25/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, truy tố các bị cáo Hồ Ngọc V và Nguyễn Thuận H1 (H2), về tội: "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị các cáo Hồ Ngọc V và Nguyễn Thuận H1 (H2), phạm tội: *"Trộm cắp tài sản",* xử phạt bị cáo Hồ Ngọc V từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 (hai mươi tư) đến 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thuận H1 (H2) từ 09 (chín) đến 11 (mười một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 22 (hai mươi hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Trả tự do ngay tại phiên toà cho cả hai bị cáo.

Không xử phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, người bị hại là ông Nguyễn Dũng D đã nhận lại số tiền 29.300.000 đồng, còn 7.700.000 đồng ông D yêu cầu bồi thường, các bị cáo V và H1 đã bồi thường đủ cho ông D. Nay các bên liên quan không ai có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị không xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động Realme note 60 có chứa thẻ sim số 0337261777; 01 điện điện thoại di động OPPO A76 chứa thẻ sim số 0343947246 là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc khi phạm tội nên đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 túi nilon màu đen, 01 mũ bảo hiểm loại trùm đầu nhãn hiệu Grs Helmets; 01 đôi dép lê bằng xốp là các vật chứng không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu huỷ.

Ngoài ra, quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thu giữ một số tài sản và đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị không xét.

Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Cả hai bị cáo Hồ Ngọc V ***và*** Nguyễn Thuận H1***:*** Đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận tội danh như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh đã truy tố là đúng, đồng tình với quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa. Các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, để giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo được hưởng án treo

để có điều kiện cải tạo tốt trở thành người có ích cho gia đình, xã hội và có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích chứng cứ buộc tội và gỡ tội đối với bị cáo:

Hồ Ngọc V, Nguyễn Thuận H1 là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Ngày 09/12/2024, bị cáo Hồ Ngọc V nhặt được thẻ ATM có số tài khoản 3906205324679 của Ngân hàng N1 kèm mật khẩu thẻ ATM của ông Nguyễn Dũng D, bên trong thẻ có số tiền 84.000.000 đồng. V đã rủ Nguyễn Thuận H1 cùng nhau bàn bạc, lén lút để chiếm đoạt số tiền trong tài khoản thẻ. H1 đã thực hiện rút số tiền 37.000.000 đồng nhưng chỉ đưa cho V 36.000.000 đồng. Vì vậy, Hồ Ngọc V phải chịu trách nhiệm hình sự với giá trị chiếm đoạt là 36.000.000 đồng, Nguyễn Thuận H1 chịu trách nhiệm hình sự với giá trị chiếm đoạt là 37.000.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo Hồ Ngọc V và Nguyễn Thuận H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Như vậy, truy tố của Viện kiểm sát nhân dân đối với các bị cáo Hồ Ngọc V và Nguyễn Thuận H1 về tội: *"Trộm cắp tài sản*" theo khoản và điều luật viện dẫn trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, mà còn gây mất trật tự, trị an trên địa bàn, làm cho quần chúng nhân dân không yên tâm trong quản lý tài sản nên cần xử lý thoả đáng để cải tạo riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai bị cáo đều không có.

Vụ án có hai bị cáo, các bị cáo không có kế hoạch hay câu kết với nhau từ trước, nên tính chất đồng phạm mang tính giản đơn. Tuy vậy, HĐXX cũng cần phân tích vai trò, vị trí của từng bị cáo để cá thể hoá trách nhiệm hình sự khi lượng hình:

Đối với bị cáo V: Là người sau khi nhặt được thẻ ATM của người bị hại thì không trả lại cho người bị hại mà nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã rủ rê, khởi xướng bị cáo H1 cùng thực hiện, V là người lấy khẩu trang đưa cho H1 đeo để tránh bị phát hiện khi rút tiền và được hưởng số tiền chiếm đoạt được thực tế nhiều hơn bị cáo H1 (34.300.000đ/36.000.000đ) nên vai trò, vị trí của V cao hơn bị cáo H1, do đó hình phạt phải cao hơn Huynh.

Đối với bị cáo H1: Khi được V rủ rê, khởi xướng việc rút trộm tiền trong thẻ ATM của người bị hại thì chẳng những không can ngăn mà lại đồng tình ngay, trước khi đi rút tiền thì lấy mũ bảo hiểm, áo mưa của V và khẩu trang từ V mang vào để tránh bị phát hiện khi rút tiền và là người thực hành, nhưng thực tế H1 chỉ được hưởng số ít hơn bị cáo V (2.700.000đ/37.000.000đ) nên vai trò vị trí của bị cáo thấp hơn bị cáo V.

Các bị cáo nhận thức rõ được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu cá nhân bằng chính sức lao động của người khác nên đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt thoả đáng để giáo dục trực tiếp đối với bị cáo; đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản phần lớn cũng đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu (29.300.000đ/ 37.000.000đ) và các bị cáo đã tự nguyện bồi thường lại đầy đủ số tiền chiếm đoạt đã tiêu xài là 7.700.000đ cho chủ sở hữu; các bị cáo phạm tội lần đầu và ít nghiêm trọng; người bị hại cũng đã thông cảm nên có đơn và tại phiên toà đã xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo; các bị cáo đều phải nuôi con nhỏ; có bố mẹ đều là người cao tuổi, hay đau ốm phải cần người chăm sóc nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy rằng: Cả hai bị cáo đều tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; lại có nhân thân tốt, trước lần phạm tội này luôn chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước, quy định của địa phương; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận ý kiến của vị đại diện VKS tại phiên toà áp dụng thêm khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt tù, nhưng không cần thiết phải phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo trong khoản 12 đến 15 tháng đối với bị cáo V; 09 đến 11 tháng đối với bị cáo H1 và ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 30 đối với bị cáo V, 18 đến 22 tháng đối với bị cáo H1 cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục trực tiếp đối với bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Qua đó thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS thì thấy rằng, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, người bị hại là ông Nguyễn Dũng D đã nhận lại số tiền 29.300.000 đồng, còn 7.700.000 đồng ông D yêu cầu bồi thường, các bị cáo V và H1 đã bồi thường đủ cho ông D. Nay các bên liên quan không ai có yêu cầu gì thêm, nên không xét.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động Realme note 60 có chứa thẻ sim số 0337261777; 01 điện điện thoại di động OPPO A76 chứa thẻ sim số 0343947246 là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc khi phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với xe mô tô BKS 74F6-4220 đây là tài sản của bà Trần Thị Thanh T mua lại của ông Nguyễn Quang V1, sinh năm 1959; trú tại Thôn T, xã H, huyện V, Quảng Trị (Giấy mua bán xe ngày 14/6/2023). Mặc dù các bên chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ nhưng thực tế xe mô tô trên đã thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà T. Việc bị cáo H1 sử dụng xe để làm phương tiện phạm tội, bà T không biết nên bà không phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Cơ quan điều tra đã trả lại xe trên cho bà T là đúng quy định của pháp luật, nên không xét.

- Đối với 01 túi nilon màu đen, 01 mũ bảo hiểm loại trùm đầu nhãn hiệu Grs Helmets; 01 đôi dép lê bằng xốp là các vật chứng không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu huỷ.

Ngoài ra, quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thu giữ một số tài sản và chứng minh các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật, nên không xét.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về biện pháp ngăn chặn:

Xét thấy các bị cáo bị xử phạt tù nhưng được cho hưởng án treo, hiện đang bị tạm giam, nên cần trả tự do ngay tại phiên toà cho các bị cáo nếu không bị tạm giam về tội phạm khác khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Hồ Ngọc V và Nguyễn Thuận H1, tên gọi khác H2 phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc V 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/3/2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thuận H1 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/3/2025).

Giao bị cáo Hồ Ngọc V cho Ủy ban nhân dân xã V; giao bị cáo Nguyễn Thuận H1 cho UBND xã H, huyện V, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Trả tự do ngay tại phiên toà cho các bị cáo Hồ Ngọc V và Nguyễn Thuận H1 (H2) nếu không bị tạm giam về tội phạm khác.

[2]. Về xử lý vật chứng

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động REALME NOTE 60, vỏ màu xanh, bên trong có chứa thẻ sim số 0337261777; 01 điện điện thoại di động OPPO A76 chứa thẻ sim số 0343947246.
- Tịch thu, tiêu hủy: 01 túi nilon màu đen, 01 mũ bảo hiểm loại trùm đầu nhãn hiệu Grs Helmets; 01 đôi dép lê bằng xốp.

(Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Linh).

[3]. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử: Buộc các bị cáo Hồ Ngọc V và Nguyễn Thuận H1 (H2) mỗi người phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, người bị hại, có người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/3/2025).

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND H.Vĩnh Linh;
- Phòng CSQĐT, CA tỉnh Quảng Trị;
- CC THADS H.Vĩnh Linh;
- TAND T.Quảng Trị;
- VKSND T.Quảng Trị;
- Sở Tư pháp T.Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
ThẨm phán - ChỦ tỌA phiên tÒA

Nguyễn Đình Hoan